

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày 25-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Yên Quỳnh.

Bà Hoàng Thị Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hợi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1969 tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Phúc B và bà Triệu Thị N; vợ Bà N Thị Q và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Kim V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2022, bị cáo Hoàng Văn T thấy có 04 (bốn) người dân tộc Mông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đi vào thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn hỏi các nhà xem có ai thuê chặt, phát rừng không. Do đang có nhu cầu phát rừng để trồng keo, quế nên bị cáo đã thuê bốn người trên đi vào khu rừng Mì Lọ Đố thuộc thôn Khuổi Nà, xã Tân Hoà để cưa, chặt phát trắng cây rừng tự nhiên thuộc lô 250, khoảnh 12, Tiểu khu 164, bản đồ hiện trạng rừng xã Tân Hoà năm 2021. Bị cáo thuê bốn người trên chặt phát 02 (hai) ngày tiền thuê là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)/người/ngày công. Còn lại một mình bị cáo dùng dao chặt, phát cây rừng tự nhiên tại khu rừng trên mất khoảng mười ngày nữa. Đến ngày 15/12/2022, Hạt kiểm lâm huyện B phát hiện sự việc, lập biên bản làm việc và chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện B để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền như đã nêu trên. Bị cáo Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi cưa, chặt phát rừng của bản thân, không xin phép Cơ quan chức năng có thẩm quyền mà thuê người cùng với bị cáo tự ý cưa, chặt phát cây gỗ rừng tự nhiên trong khu rừng Mì Lọ Đố thuộc thôn K, xã T, huyện B với mục đích trồng rừng phát triển kinh tế. Diện tích rừng mà bị cáo đã thuê người và trực tiếp cưa, chặt phát thuộc lô 213 với diện tích là 4,2 ha rừng tự nhiên, được Ủy ban nhân dân huyện B giao cho Hoàng Văn T quản lý và sử dụng từ năm 1996 có hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng. Ngoài bị cáo và bốn người được thuê trực tiếp cưa, chặt phát khu rừng thì không có ai khác tham gia chặt phát cùng. Quá trình cưa, chặt phát khu rừng trên bị cáo không nói, không bàn bạc, trao đổi với ai.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 20/02/2023, kết luận:

+ Diện tích rừng bị chặt phá: Diện tích rừng bị chặt phá đo được là 6.828,3 m², tại lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164, thuộc khu rừng Mì Lọ Đố, thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2021 (*Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn năm 2021*)

+ Khối lượng gỗ cây rừng bị chặt phá: Không xác định được tên loài (ký hiệu SP) toàn bộ thân gỗ bị chặt phá bị cháy đen, tổng số cây rừng bị chặt phá là 355 cây, khối lượng gỗ là 27,439 m³ (tương đương 519 cây/ha, khối lượng gỗ bình quân 40,186 m³/ha). Cây rừng bị chặt hạ phân bố đều trên toàn diện tích rừng bị phá.

+ Trạng thái rừng: Trên diện tích 6.828,3 m², số cây gỗ bị chặt phá không xác định được tên loài do đã bị cháy đen (ký hiệu SP) có khối lượng là 27,439 m³, khối lượng gỗ bình quân là 40,186 m³/ha.

Căn cứ theo Phụ lục I, phân chia trạng thái rừng (Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNN&PTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng): Diện tích rừng bị phá tại thuộc lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164, thuộc khu rừng Mì Lọ Đố, thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thuộc trạng thái là rừng tự nhiên nghèo kiệt (10<M≤50), có ký hiệu là TXK.

+ Loại rừng bị chặt phá: Diện tích rừng bị chặt phá tại lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164, thuộc khu rừng Mì Lọ Đố, thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2021 (*Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn năm 2021*).

Đối chiếu diện tích rừng bị chặt phá Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã T (*căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030*) thì toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

+ Xác định diện tích rừng bị chặt phá có thuộc đối tượng cải tạo rừng: Căn cứ kết quả đo, đếm số cây bị chặt phá là 355 cây, khối lượng gỗ là 27,439 m³ (tương đương 519 cây/ha, khối lượng gỗ bình quân 40,186 m³/ha); Loại rừng bị chặt phá: thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; Trạng thái là rừng tự nhiên nghèo kiệt.

Căn cứ Điều 8, Thông tư số 29/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh, Diện tích rừng bị chặt phá không thuộc đối tượng cải tạo rừng.

Căn cứ Điều 10, Thông tư số 29/2018/TT-BNN&PTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh, Diện tích rừng bị chặt phá không thuộc đối tượng đưa vào trồng mới Rừng phòng hộ.

Ngày 19/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện B định giá bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với 27,439 m³ gỗ bị chặt phá và định giá giá trị thiệt hại về môi trường đối với diện tích rừng bị thiệt hại thuộc lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164 thuộc quy hoạch rừng phòng hộ tại thôn K, xã T, huyện B. Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 23/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận:

+ Khối lượng gỗ cây rừng bị chặt phá: Cây gỗ tái sinh tự nhiên bị chặt phá không xác định được tên loài (ký hiệu SP), do toàn bộ thân cây gỗ bị chặt phá đã bị cháy đen, tổng số cây rừng bị chặt phá là 355 cây, khối lượng gỗ là 27,439 m³ (tương đương 519 cây/ha, khối lượng gỗ bình quân 40,186 m³/ha). Cây rừng bị chặt hạ phân bố đều trên toàn diện tích bị chặt phá. Hội đồng không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại của tài sản là 27,439 m³. Lý do: Khối lượng gỗ là 27,439 m³ không xác định được tên loài; phân loại thành từng chủng loại gỗ và nhóm gỗ, kích thước gỗ được ký hiệu (SP). Nên Hội đồng không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại của tài sản là 27,439 m³ như đã nêu trên.

+ Định giá giá trị về thiệt hại về môi trường diện tích rừng bị chặt phá đo được là 6.828,3 m², tại lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164, thuộc khu rừng Mì Lọ Đố, thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; theo bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2021 (*Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn năm 2021*). Khối

lượng gỗ cây rừng bị chặt phá: Cây gỗ tái sinh tự nhiên bị chặt phá không xác định được tên loài (ký hiệu SP), do toàn bộ thân cây gỗ bị chặt phá đã bị cháy đen, tổng số cây rừng bị chặt phá là 355 cây, khối lượng gỗ là 27,439 m³ (tương đương 519 cây/ha, khối lượng gỗ bình quân 40,186 m³/ha). Cây rừng bị chặt hạ phân bố đều trên toàn diện tích bị chặt phá. Qua nghiên cứu về Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và các Văn bản hướng dẫn Hội đồng có chung ý kiến trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa có quy định xác định giá trị thiệt hại về môi trường. Do vậy Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại về môi trường với tổng diện tích bị chặt phá là 6.828,3 m², tại lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164, thuộc khu rừng Mì Lọ Đố, thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Loại rừng bị chặt phá: Thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; Trạng thái là: Rừng tự nhiên nghèo kiệt.

Quá trình xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B: Diện tích 6.828,3m² rừng bị ông Hoàng Văn T chặt phá thuộc lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164, thuộc khu rừng Mì Lọ Đố, thôn K, xã T, huyện B không trùng với vị trí lô 213, diện tích 4,2 ha Bản đồ giao đất, giao rừng năm 1995 đã được Ủy ban nhân dân huyện giao hồ sơ số 09 giao quyền quản lý rừng và sử dụng rừng ngày 12/11/1996 cho hộ ông Hoàng Văn T, địa chỉ thôn K, xã T, huyện B. Theo bản đồ địa chính lâm nghiệp xã T đo đạc năm 2008 tỷ lệ 1/10.000 thì diện tích rừng mà ông Hoàng Văn T chặt phá thuộc thửa 129, loại đất theo sổ mục kê và trên mặt bản đồ ghi Đất rừng phòng hộ thuộc Ủy ban nhân dân xã T quản lý, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với 04 (Bốn) người dân tộc Mông mà bị cáo Hoàng Văn T thuê chặt, phát rừng. Do bị can không biết tên tuổi, địa chỉ ở đâu, không nhớ đặc điểm nhận dạng nên Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân để tiến hành gọi hỏi lấy lời khai. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý những người nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKS-BG ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội Hủy hoại rừng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T khai nhận, hành vi hủy hoại rừng như Cáo trạng truy tố ra trước Tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; không bị ép cung, nhục hình, bức cung trong quá trình điều tra truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

* Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Hủy hoại rừng.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (hai) đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Do không định giá được giá trị thiệt hại nên Ủy ban nhân dân xã Tân Hoà không yêu cầu bị cáo Hoàng Văn T bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

* Về vật chứng: Không có nên không xem xét.

* Về án phí: Bị cáo được miễn án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo xin đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương để có điều kiện tiếp tục khắc phục hậu quả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn dân sự được Tòa án nhân dân huyện B triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và có đơn xét xử vắng mặt. Xét thấy bị cáo, đại diện Viện kiểm sát yêu cầu xử vắng mặt; mặt khác trong hồ sơ cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai những người này, bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Việc vắng mặt của nguyên đơn dân sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng tháng 10 năm 2022, bị cáo Hoàng Văn T đã trực tiếp và thuê 04 (bốn) người dân tộc Mông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) vào khu rừng Mì Lọ Đố thuộc thôn Khuổi Nà, xã Tân Hoà, huyện B để cưa, chặt phát trắng cây rừng tự nhiên thuộc lô 250, khoảnh 12, Tiểu khu 164, bản đồ hiện trạng rừng xã Tân Hoà năm 2021, nhằm mục đích dọn sạch mặt bằng để trồng rừng phát triển kinh tế. Qua giám định diện tích rừng bị chặt phá tại lô 250, khoảnh 12, tiểu khu 164, thuộc khu rừng Mì Lọ Đố, thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo bản đồ hiện trạng rừng xã T năm 2021 (Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Lạng Sơn năm 2021) là 6.828,3 m². Đối chiếu diện tích rừng bị chặt phá Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng xã T (căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030) thì toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá thuộc quy hoạch Rừng

phòng hộ. Do đó có căn cứ xác định bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo hoàn toàn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo Hoàng Văn T vào năm 2022 được Bộ trưởng Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương Bảo vệ An ninh tổ quốc; được Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam; có bố đẻ là ông Hoàng Phúc Bảo có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; có ông nội là Hoàng Văn Tăng được Hội Đồng Chính phủ Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Bị can sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Hoàng Văn T một phần do bản thân là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng sâu, vùng xa, có sự nhận thức hạn chế về pháp luật nên đã trực tiếp và thuê người chặt phá rừng với mục đích để trồng cây keo, quế phát triển kinh tế. Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Văn T đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng, gián tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về lĩnh vực trật tự an toàn xã hội, hành vi ấy phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo lần đầu nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, có sự ăn năn hối cải để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP-TANDTC, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, quy định về điều kiện cho hưởng án treo thì bị cáo có đủ điều kiện. Vì vậy, không cần bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi thường trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung quy định trong luật, tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”. Qua xác minh và tại phiên tòa, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Do không định giá được giá trị thiệt hại nên Ủy ban nhân dân xã Tân Hoà không yêu cầu bị cáo Hoàng Văn T bồi thường thiệt hại. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Hoàng Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do đó, bị cáo Hoàng Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt cũng như các vấn đề khác đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 262; khoản 1 Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Hủy hoại rừng.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm. Thời gian chấp hành tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về án phí:

Bị cáo Hoàng Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt nguyên đơn dân sự báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt